

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **99/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 26-9-2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Công Đăng;**

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Ông Cao Văn D, sinh năm: 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 7 năm 2019, các lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà và ông D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại xã H, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống với bên chồng giữa bà và cha chồng xảy ra mâu thuẫn và cha chồng đuổi bà, bà có nói với ông D vợ chồng ra ở riêng nhưng ông D không có ý kiến. Sau khi về nhà cha mẹ ruột ở hai năm, bà cất nhà ở riêng gần cha mẹ ruột. Ông D có qua thăm con vài lần. Sau khi bà về nhà cha mẹ ruột bà ở thì ông D cũng không có ý kiến gì về việc chung sống của vợ chồng, khi nhắc lại chuyện cũ thì ông D cho rằng bà bỏ nhà đi là lỗi của bà nên dẫn tới vợ chồng cự cãi. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng với ông D không còn, thời gian không chung sống với nhau quá lâu nên yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Ngọc M, sinh năm 2004 và Cao Hữu Đ, sinh năm 2009. Các con chung hiện ở với bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

Tài sản chung: Không có; Nợ chung: Không có.

- Tại biên bản hòa giải ngày 27/8/2019 và tại phiên tòa, bị đơn ông Cao Văn D trình bày:

Vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện U Minh.

Quá trình chung sống giữa vợ với cha mẹ ông có mâu thuẫn nên cha ông có đuổi vợ ông đi, ông nhận thấy mình có lỗi là không hiểu và an ủi vợ trong thời gian mâu thuẫn giữa cha mẹ ông với vợ dẫn đến việc vợ ông về cha mẹ vợ ở. Sau khi vợ đi, ông là con út và cha mẹ bị bệnh nên ông phải chăm sóc, bản thân ông có thời gian bị bệnh phải điều trị nên không có thời gian quan tâm nhiều đến vợ con. Cha ông mất năm 2014, mẹ bị bệnh phải mổ nên không đi được và mẹ ông mất vào năm 2018. Khi cha mẹ mất, ông có nhờ người lớn trong thân tộc qua nói chuyện với cha mẹ vợ nhưng cha mẹ vợ không đồng ý. Ông đã nhận thấy mình có lỗi và nhìn nhận lỗi với vợ, ông mong muốn hàn gắn để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung, do đó, vợ ông yêu cầu ly hôn ông không đồng ý.

Về con chung: Có hai con chung như trên, hiện đang ở với vợ. Khi vợ đi có dẫn theo hai con, ông cũng đồng ý giao 02 con chung cho bà M nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con, khi nào có tiền thì cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị M với ông Cao Văn D được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị M và ông Cao Văn D tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị M và ông Cao Văn D là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị M và ông Cao Văn D xảy ra mâu thuẫn nhưng không hòa giải với nhau được. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2012, do cha chồng đuổi chị M ra khỏi nhà chồng, chị M về bên cha mẹ ruột ở đến nay. Anh D thống nhất với lời trình bày của chị M về lý do việc vợ chồng không chung sống, anh cho rằng do cha mẹ khó khăn anh cũng nhận thấy mình có sai trong việc ứng xử trong mối quan hệ vợ chồng với gia đình nay cha mẹ đã mất nên anh mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn.

Theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình quy định “vợ chồng phải **có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng**

nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình ... và cùng chung sống với nhau ...”

Xét thấy, chị M và anh D đã không còn chung sống với nhau nhiều năm mà không phải vì lý do công việc, ông D không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn gắn tình cảm vợ chồng hiệu quả, tại phiên tòa, bà M xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông D và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông Cao Văn D, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị M.

Về con chung: có 02 con chung tên Cao Ngọc M, sinh năm 2004 và Cao Hữu Đ, sinh năm 2009 do bà M nuôi dưỡng từ khi không còn chung sống với ông D. Ông D đồng ý giao hai con chung cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng, nên giao hai chung tên Cao Ngọc M, sinh năm 2004 và Cao Hữu Đ, sinh năm 2009 cho bà Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng, bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Ông Cao Văn D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở.

Tài sản chung, nợ chung: Bà M, ông D xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải bào 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Cao Văn D.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Cao Ngọc M, sinh năm 2004 và Cao Hữu Đ, sinh năm 2009 cho bà Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng, bà M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Ông Cao Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004524 ngày 29/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí, bà Nguyễn Thị M đã nộp xong.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục THA DS huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Nơi thực hiện đăng ký kết hôn.
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Việt Hằng